

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG
NĂM HỌC: 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 11

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Trắc nghiệm 100%

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 7 học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau:

Bài 1:

- Câu 1.** Tiền đề về xã hội của cuộc Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) là: mâu thuẫn giữa
- A. quần chúng nhân dân với nhà nước quân chủ lập hiến.
 - B. đẳng cấp thứ ba với các đẳng cấp Tăng lữ và Quý tộc.
 - C. nhân dân thuộc địa với chính quyền thực dân xâm lược.
 - D. giai cấp tư sản, quý tộc mới với giai cấp vô sản, nông dân.
- Câu 2.** Những quan điểm tiến bộ trong trào lưu Triết học Ánh sáng ở Pháp (thế kỉ XVIII) đã
- A. bảo vệ tư tưởng của Giáo hội Thiên Chúa.
 - B. dọn đường cho cách mạng vô sản bùng nổ.
 - C. củng cố hệ tư tưởng của chế độ phong kiến.
 - D. tấn công vào hệ tư tưởng của chế độ phong kiến.
- Câu 3.** Một trong những nhiệm vụ dân chủ của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là
- A. giải phóng dân tộc.
 - B. xác lập nền dân chủ tư sản.
 - C. thống nhất thị trường dân tộc.
 - D. xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ.
- Câu 4.** Cuộc Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) đã đạt được kết quả nào sau đây?
- A. Lật đổ sự thống trị của thực dân của Anh, giành độc lập dân tộc.
 - B. Bảo vệ độc lập dân tộc trước sự nhòm ngó của thực dân phương Tây.
 - C. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
 - D. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xây dựng nền cộng hòa dân chủ.
- Câu 5.** Điểm tương đồng giữa Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp là gì?
- A. Giai cấp tư sản độc quyền lãnh đạo cách mạng.
 - B. Mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
 - C. Sau cách mạng, chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập.
 - D. Sử dụng tôn giáo cải cách làm “ngọn cờ” tập hợp lực lượng.
- Câu 6.** Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) đã đạt được kết quả nào sau đây?
- A. Lật đổ sự thống trị của thực dân của Anh, giành độc lập dân tộc.
 - B. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xây dựng nền cộng hòa dân chủ.
 - C. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
 - D. Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ; thống nhất lãnh thổ, thị trường dân tộc.
- Câu 7.** Lực lượng nào giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (cuối thế kỉ XVIII)?
- A. giai cấp tư sản và quý tộc mới.
 - B. giai cấp tư sản và chủ nô.

C. giai cấp tư sản.

D. giai cấp vô sản.

Câu 8. Giai cấp lãnh đạo của cuộc cách mạng tư sản có đặc điểm chung là gì?

A. Đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. Chịu ảnh hưởng của Trào lưu Triết học Ánh sáng.

C. Luôn có nguồn gốc là giai cấp phong kiến.

D. Luôn mong muốn thiết lập chế độ cộng hòa.

Câu 9. Kết quả chung của các cuộc cách mạng tư sản là thiết lập chế độ

A. tư bản chủ nghĩa.

B. quân chủ lập hiến.

C. cộng hòa.

D. dân chủ đại nghị.

Câu 10. Tại 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ trước cách mạng, người dân phải tuân theo:

A. Các đạo luật khắc khe do Chính phủ Anh đề ra

B. Các đạo luật khắc khe do chính quyền mỗi thuộc địa đề ra

C. Các đạo luật cởi mở do Chính phủ Anh đề ra

D. Các đạo luật cởi mở do chính quyền mỗi thuộc địa đề ra

Câu 11. Ở Pháp mâu thuẫn nào tồn tại trong xã hội gay gắt:

A. Các tầng lớp nhân dân thuộc địa với chế độ thực dân.

B. Tư sản và tầng lớp nhân dân với tầng lớp quý tộc

C. Tầng lớp tư sản với nhà nước phong kiến

D. Tầng lớp trí thức và giặc ngoại xâm

Câu 12. Cách mạng tư sản bao gồm hai nhiệm vụ cơ bản là:

A. Dân tộc và dân chủ

B. Chính trị và xã hội

C. Công bằng và văn minh

D. Tiền tài và quyền lực

Câu 13. Trong các cuộc cách mạng tư sản, đâu là động lực quyết định thắng lợi của cách mạng?

A. Giai cấp lãnh đạo và quần chúng nhân dân

B. Những hứa hẹn về một tương lai tương sáng của giai cấp lãnh đạo cho nhân dân.

C. Số tiền mà quần chúng nhân dân nhận được khi giành chiến thắng

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 14. “Trào lưu Triết học Ánh sáng đã kịch liệt phê phán tình trạng mục nát, lỗi thời của chế độ phong kiến và Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời, đưa ra những lý thuyết về việc xây dựng nhà nước mới”. Đây là tiền đề tư tưởng của cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng tư sản Anh

B. Cách mạng tư sản Pháp

C. Cách mạng giải phóng ở Bắc Mỹ

D. Cách mạng giải phóng ở Đức

Câu 15. Để tập hợp quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh, giai cấp tư sản cần có:

A. Hệ tư tưởng để chống lại hệ tư tưởng phong kiến bảo thủ

B. Quyền lực để ép buộc nhân dân

C. Tiền bạc để mua vũ khí và quân binh

D. Tất cả các đáp án trên

Bài 2:

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (năm 1911)?

A. Chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc.

B. Mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc.

C. Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

D. Lập đổ triều đại Mãn Thanh, xác lập chế độ quân chủ lập hiến ở Trung Quốc.

Câu 2. Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự kiện nào dưới đây đã góp phần mở rộng phạm vi của chủ nghĩa tư bản ở khu vực châu Á?

A. Nhật Bản tiến hành cải cách, canh tân đất nước.

B. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

C. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thành công.

D. Duy tân Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc thành công.

Câu 3. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về các tổ chức độc quyền ở các nước tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung sản xuất hoặc tiêu thụ hàng hóa.

B. Đánh dấu chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn độc quyền sang tự do cạnh tranh.

C. Không có khả năng chi phối đời sống kinh tế - chính trị của các nước tư bản.

D. Chỉ hình thành các liên kết ngang giữa những xí nghiệp trong cùng một ngành kinh tế.

Câu 4. Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc là

A. việc xuất khẩu tư bản (khác với xuất khẩu hàng hóa) đã có ý nghĩa quan trọng.

B. chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và cao hơn là độc quyền xuyên quốc gia.

C. lực lượng lao động có những chuyển biến về cơ cấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Chủ nghĩa tư bản không ngừng điều chỉnh và thích ứng để tồn tại và phát triển.

B. Sự dung hợp tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp thành tư bản tài chính.

C. Xuất hiện các tổ chức độc quyền có vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế.

D. Các cường quốc tư bản lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới.

Câu 6. Một trong những tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại là

A. thu hẹp được khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội.

B. giải quyết một cách triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội.

C. hạn chế và tiến tới xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội.

D. có khả năng tự điều chỉnh, thích nghi để tồn tại và phát triển.

Câu 7. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu kém.

B. Thiếu khả năng tự điều chỉnh và thích nghi với bối cảnh mới.

C. Tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng mang tính toàn cầu.

D. Thiếu kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế.

12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Khoảng cách giàu - nghèo được thu hẹp, các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.

B. Có sức sản xuất phát triển cao dựa trên thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.

C. Có bề dày kinh nghiệm, phương pháp quản lí kinh tế và hệ thống pháp chế hoàn chỉnh.

D. Có khả năng điều chỉnh và thích nghi để tiếp tục tồn tại và phát triển trong bối cảnh mới.

Câu 8. Sự dung hợp tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp thành tư bản tài chính là một trong những đặc trưng của

A. chủ nghĩa đế quốc.

B. chủ nghĩa tư bản hiện đại.

C. chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.

D. chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Câu 9. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, ở nhiều nước tư bản, sự tập trung sản xuất và tập trung nguồn vốn lớn đã dẫn đến sự xuất hiện của các

A. thương hội.

B. phường hội.

C. công trường thủ công.

D. tổ chức độc quyền.

Câu 10. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, cùng với việc các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã

A. được xác lập ở châu Âu và khu vực Bắc Mỹ.

B. được xác lập ở các quốc gia: Pháp, Đức, I-ta-li-a

C. mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới.

D. suy yếu và bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng.

Câu 11. Cuộc cách mạng tư sản nào đã đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở ngoài châu Âu?

A. Nội chiến ở Anh (thế kỉ XVII).

B. Đại cách mạng Pháp (thế kỉ XVIII).

C. Đấu tranh thống nhất nước Đức (thế kỉ XIX).

D. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII).

Câu 12. Cuộc cách mạng công nghiệp (cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX) có tác động như thế nào đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản?

A. Đánh dấu sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở các quốc gia Anh, Pháp, Đức,...

B. Đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ra ngoài phạm vi châu Âu.

C. Góp phần khẳng định sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

D. Dẫn đến sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.

Câu 13. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn

A. tự do cạnh tranh.

B. đế quốc chủ nghĩa.

C. chủ nghĩa tư bản hiện đại.

D. chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Câu 14. Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình xâm lược thuộc địa nhằm

A. tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ở nước ngoài.

B. giúp đỡ kinh tế và khai hóa văn minh cho các nước chậm phát triển.

C. di dân sang các nước chậm phát triển, giải quyết khủng hoảng dân số.

D. thúc đẩy sự giao lưu kinh tế và văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng mang tính toàn cầu.

B. Các thiết chế dân chủ vẫn còn nhiều vấn đề bất ổn.

C. Phải đối mặt với nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống.

D. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn yếu kém.

Bài 3:

Câu 1. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là

A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới của những người lao động.

B. huy động tối đa nhân tài, vật lực để phục vụ cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

C. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và bảo vệ Tổ quốc.

D. ban hành Hiến pháp mới và chiến đấu chống “thù trong giặc ngoài”.

Câu 2. Đại hội Xô viết toàn Nga lần Thứ hai, khai mạc đêm 25/10/1917 đã

A. ban hành “Chính sách Cộng sản thời chiến”.

B. phát động cuộc chiến đấu chống “thù trong giặc ngoài”.

C. thông qua “Chính sách kinh tế mới” do Lê-nin soạn thảo.

D. tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phải là tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Sự bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc.

B. Quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc.

C. Xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

D. Dùng bạo lực để xây dựng nền chuyên chính vô sản.

Câu 4. Trong những năm 1918 - 1921, nhân dân Nga Xô viết đã tiến hành

A. chính sách kinh tế mới do Lê-nin soạn thảo.

B. xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

C. cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài.

D. tiến hành Chiến tranh Vệ quốc chống lại phát xít Đức.

Câu 5. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu mốc hoàn thành của quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Nước Nga Xô viết thực hiện chính sách kinh tế mới (tháng 3/1921).
- B. Bản Hiệp ước Liên bang được thông qua (tháng 12/1922).
- C. Tuyên ngôn thành lập Liên bang Xô viết được thông qua (tháng 12/1922).
- D. Bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua (tháng 1/1924).

Câu 6. Sự ra đời của chính quyền Xô viết ở Nga gắn liền với sự kiện nào sau đây?

- A. Cách mạng tháng Hai ở Nga thành công (1917).
- B. Cách mạng tháng Mười ở Nga thành công (1917).
- C. Chính sách Cộng sản thời chiến được ban hành (1919).
- D. Chính sách Kinh tế mới (NEP) được ban hành (1921).

Câu 7. Tháng 12/1922 diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
- B. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập.
- C. Nước Nga Xô viết tiến hành chính sách Cộng sản thời chiến.
- D. Nước Nga Xô viết tiến hành chính sách Kinh tế mới (NEP).

Câu 8. Mục tiêu của việc thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là

- A. chống lại sự tấn công của 14 nước đế quốc.
- B. thực hiện hiệu quả Chính sách Kinh tế mới.
- C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.
- D. chống lại cuộc tấn công của phát xít Đức.

Câu 9. Dòng chữ trên Quốc huy của Liên Xô là

- A. “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.
- B. “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”.
- C. “Thống nhất trong đa dạng”.
- D. “Giai cấp vô sản thế giới đoàn kết lại”.

Câu 10. Sau khi được thành lập, Chính quyền Xô viết ở Nga đã ban hành

- A. Chính sách kinh tế mới (NEP).
- B. Sắc lệnh Hòa bình.
- C. Chính sách Cộng sản thời chiến.
- D. Đạo luật Trung lập.

Câu 11. Sau khi được thành lập, Chính quyền Xô viết ở Nga đã ban hành

- A. Chính sách kinh tế mới (NEP).
- B. Sắc lệnh Ruộng đất.
- C. Chính sách Cộng sản thời chiến.
- D. Đạo luật Trung lập.

Câu 12. Đối với quốc tế, sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

- A. Làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch.
- B. Chứng minh tính khoa học, đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- C. Củng cố và tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.
- D. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế từ sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch.
- B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.
- C. Củng cố và tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.
- D. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 14. Một trong những ý nghĩa quốc tế to lớn của Cách mạng tháng Mười Nga là

- A. Đập tan ách áp bức bóc lột phong kiến, đưa nhân dân lao động lên làm chủ
- B. Tạo thế cân bằng trong so sánh lực lượng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản
- C. Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào cách mạng thế giới
- D. Đưa đến sự thành lập tổ chức quốc tế mới của giai cấp công nhân quốc tế

Câu 15. Điều không phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga 1917?

- A. Mở ra kỉ nguyên mới và làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga.

B. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga giai cấp công nhân, nhân dân lao động đứng lên làm chủ đất nước.

C. Làm thay đổi cục diện thế giới.

D. Đưa tới sự ra đời của nhà nước tư sản đầu tiên trên thế giới.

Bài 4:

Câu 1. Hiện nay, quốc gia nào ở châu Á đi theo con đường xã hội chủ nghĩa?

A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Vương quốc Thái Lan.

C. Cộng hòa In-đô-nê-xi-a.

D. Đại Hàn Dân Quốc.

Câu 2. Trước năm 1945, quốc gia duy nhất trên thế giới đi theo con đường xã hội chủ nghĩa là

A. Liên Xô.

B. Trung Quốc.

C. Việt Nam.

D. Cu-ba.

Câu 3. Từ năm 1949 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu

A. đạt được nhiều thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.

C. lâm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

D. tiến hành cải cách để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 4. Việc các nước châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đã

A. đánh dấu sự mở rộng, tăng cường sức mạnh của chủ nghĩa xã hội.

B. đánh dấu sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

C. xác lập hoàn chỉnh cục diện hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

D. khẳng định sự thắng thế hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á.

Câu 5. Quốc gia nào dưới đây **không** đi theo con đường xã hội chủ nghĩa?

A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

B. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

D. Đại Hàn Dân Quốc.

Câu 6. Đầu thập niên 60, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bao gồm 14 quốc gia ở

A. châu Phi, châu Âu, châu Á.

C. châu Mỹ, châu Phi và châu Á.

B. châu Âu, châu Á và khu vực Mĩ La-tinh.

D. châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 7. Nguyên nhân khách quan nào dẫn đến sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô?

A. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.

B. Phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng trong quá trình cải cách, cải tổ.

C. Không bắt kịp sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ.

D. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không đúng** khi nói về sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Là một tổn thất to lớn với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước xã hội chủ nghĩa còn lại.

C. Phản ánh sự sụp đổ, không phù hợp với thực tiễn của học thuyết Mác - Lênin.

D. Là sự sụp đổ của một mô hình xã hội chủ nghĩa chưa đúng đắn, chưa khoa học.

Câu 9. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ sau năm 1991 tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh ở những quốc gia nào sau đây?

A. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba.

C. Hàn Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Cu-ba.

B. Trung Quốc, Nga, Việt Nam, Lào.

D. Lào, Cu-ba, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không phải** là điểm tương đồng giữa cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (từ 1978) và công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ 1986)?

A. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

B. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới.

C. Củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản.

D. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm; thực hiện đa nguyên, đa đảng.

Câu 11. Trọng tâm trong đường lối cải cách mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978) là

A. cải tổ chính trị. B. phát triển kinh tế. C. đổi mới văn hóa D. đổi mới hệ tư tưởng.

Câu 12. Nội dung trọng tâm của đường lối đổi mới ở Việt Nam (từ tháng 12/1986) phù hợp với xu thế phát triển của thế giới là

A. mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại, thỏa hiệp.

C. tham gia mọi tổ chức khu vực và quốc tế.

B. thiết lập quan hệ đồng minh với các nước lớn.

D. lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.

Câu 13. Nội dung nào **không** phản ánh đúng đường lối trong công cuộc cải cách -mở cửa ở Trung Quốc (từ 1978 -nay)?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

D. Xóa bỏ cơ chế kế hoạch quá, quan liêu, bao cấp.

Câu 14. Từ khi tiến hành cải cách -mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc có điểm gì mới so với giai đoạn 1949 -1978?

A. Nhà nước nắm độc quyền trong các hoạt động sản xuất và điều tiết nền kinh tế.

B. Cơ chế quản lý bao cấp, hàng hóa được phân phối theo chế độ tem phiếu.

C. Kinh tế tư nhân bị xóa bỏ, kinh tế Nhà nước được tăng cường, củng cố.

D. Nền kinh tế hàng hóa vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 15. Việt Nam có thể học hỏi bài học kinh nghiệm nào từ công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc?

A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

C. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. Hạn chế hội nhập kinh tế để bảo vệ thị trường nội địa.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng thành tựu mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay)?

A. Nền giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ.

B. Là một trong những cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự.

C. Xây dựng được nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

D. Vai trò và vị thế quốc tế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao.

Câu 17. Công cuộc cải cách -mở cửa ở Trung Quốc được tiến hành trong bối cảnh quốc tế như thế nào?

A. Sự đối đầu Đông -Tây đang diễn ra mạnh mẽ.

B. Trật tự hai cực Ianta đã sụp đổ hoàn toàn.

C. Xu hướng cải cách trên thế giới đang diễn ra.

D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ hoàn toàn.

Câu 18. Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước châu Á, khu vực Mỹ La-tinh là cơ sở để khẳng định

A. con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

B. chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển và mở rộng về không gian địa lí.

C. chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.

D. chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống trên phạm vi thế giới.

Câu 19. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978 đến nay)?

A. Chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội.

D. Củng cố tiềm lực cho hệ thống xã hội chủ nghĩa.

B. Nâng cao vị thế quốc tế của Trung Quốc.

C. Để lại nhiều kinh nghiệm cho các nước khác.

Câu 20. Hội đồng tương trợ kinh tế ra đời với quan hệ hợp tác giữa:

- A. Mỹ và các nước Đông Âu B. Liên Xô và các nước Đông Âu
C. Mỹ và Liên Xô D. Liên Xô và Trung Quốc

Bài 5:

Câu 1. Có nhiều nguyên nhân thúc đẩy thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á hải đảo, ngoại trừ việc khu vực này

- A. có nguồn hương liệu và hàng hóa phong phú.
B. có nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.
C. là vùng đất vô chủ, hoang vắng và dân cư thưa thớt.
D. nằm trên tuyến đường biển nối liền phương Đông và phương Tây.

Câu 2. Đến đầu thế kỉ XX, toàn bộ vùng lãnh thổ ngày nay của Malaixia, Xingapo, Brunây đặt dưới sự cai trị của

- A. thực dân Anh. B. thực dân Tây Ban Nha.
C. thực dân Pháp. D. thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 3. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quốc gia nào ở Đông Nam Á được coi là “vùng đệm” giữa khu vực thuộc địa của Anh và Pháp?

- A. Phi-líp-pin. B. Lào. C. Cam-pu-chia. D. Xiêm.

Câu 4. Đến cuối thế kỉ XIX, những nước nào ở Đông Nam Á đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp?

- A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. C. Phi-líp-pin, Mi-an-ma, Lào.
B. Xiêm, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a. D. Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Lào.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng chính sách cai trị về kinh tế của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á?

- A. Phát triển hệ thống giao thông vận tải. D. Chia ruộng đất cho nông dân nghèo cày cấy.
B. Chú trọng hoạt động khai thác khoáng sản.
C. Cướp đoạt ruộng đất, “cưỡng bức trồng trọt”.

Câu 6. Từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX, sự xâm nhập của văn hóa phương Tây đã tác động như thế nào đến đời sống văn hóa của cư dân Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh. C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống.
B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước. D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

Câu 7. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, triều đình Xiêm đã thực hiện chính sách cải cách nào trên lĩnh vực xã hội?

- A. Nghiêm cấm quan lại sử dụng nô lệ. C. Xóa bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ.
B. Thực hiện chính sách “hạn nô”. D. Duy trì chế độ nô lệ.

Câu 8. So với các nước Đông Nam Á, tình hình chính trị ở Xiêm cuối thế kỉ XIX có điểm gì khác biệt?

- A. Xiêm bị biến thành nước thuộc địa nửa phong kiến.
B. Xiêm vẫn giữ được nền độc lập tương đối.
C. Xiêm trở thành vùng phụ thuộc của Anh.
D. Xiêm bị biến thành vùng bảo hộ của Pháp.

Câu 9. Công cuộc cải cách đất nước ở Xiêm (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX) đã

- A. thất bại, đẩy Vương quốc Xiêm lún sâu vào suy thoái, khủng hoảng.
B. thành công, đưa Xiêm phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.
C. thất bại, Xiêm bị mất độc lập, trở thành thuộc địa của thực dân Anh.

D. thành công, đưa Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng điểm tương đồng giữa cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản và cải cách ở Xiêm cuối thế kỉ XIX?

- A. Tiến hành cải cách khi đất nước đứng trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược.
- B. Đạt được nhiều thành tựu, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- C. Tiến hành cải cách nhằm mục đích bảo vệ nền độc lập dân tộc và phát triển đất nước.
- D. Cuộc cải cách diễn ra khi chế độ phong kiến đang ở giai đoạn phát triển đỉnh cao.

Câu 11. Cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản và cải cách đất nước ở Xiêm (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX) đều

- A. diễn ra khi đất nước đã bị của thực dân phương Tây nô dịch, thống trị.
- B. thất bại, đẩy đất nước lún sâu vào suy thoái, khủng hoảng nghiêm trọng.
- C. thành công, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- D. học hỏi kinh nghiệm từ cuộc Duy tân Mậu Tuất ở Mãn Thanh.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của công cuộc cải cách đất nước ở Xiêm (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)?

- A. Phản ánh tinh thần độc lập, tự chủ, linh hoạt của người Thái.
- B. Đưa Vương quốc Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- C. Giúp Xiêm giữ được độc lập, thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa.
- D. Giúp Xiêm phát triển mạnh mẽ, trở thành nước đế quốc duy nhất ở châu Á.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng chính sách cai trị trên lĩnh vực chính trị của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á?

- A. Tiêu diệt các thế lực phong kiến địa phương để thôn tóm quyền hành.
- B. Để cho người bản xứ nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ máy cai trị.
- C. Sử dụng chính sách “chia để trị” nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.
- D. Không cho phép người bản xứ tham gia vào bộ máy hành chính.

Câu 14. Xiêm được coi là nước đệm giữa hai thế lực đế quốc Anh và Pháp vì

- A. chế độ phong kiến ở Xiêm vững mạnh, không nước nào có đủ khả năng lật đổ.
- B. triều đình Xiêm chấp nhận “cắt đứt cầu hòa” cho cả thực dân Anh và Pháp.
- C. có vị trí nằm giữa khu vực thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp.
- D. triều đình Xiêm nhận được sự bảo hộ của cả Anh và Pháp.

Câu 15. Năm 1897, vua Ra-ma V đã tiến hành

- A. chuyến công du sang các nước châu Âu.
- B. Chương trình giáo dục theo hướng hiện đại.

chính sách cấm đạo, đàn áp tín đồ Thiên Chúa giáo.

C. cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.
D.

Câu 16. Nhận thức được mối đe dọa xâm lược của thực dân phương Tây và nhu cầu phát triển đất nước, từ giữa thế kỉ XIX, triều đình Xiêm đã

- A. thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng.
- B. thực hiện chính sách cấm đạo Thiên Chúa.
- C. tiến hành công cuộc cải cách theo hướng hiện đại.
- D. khước từ mọi quan hệ giao thương với phương Tây.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng tình hình xã hội của các nước Đông Nam Á dưới tác động từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây?

- A. Trật tự xã hội truyền thống ở Đông Nam Á vẫn được duy trì.
- B. Các giai cấp cũ bị phân hóa, xuất hiện những lực lượng xã hội mới.
- C. Các giai cấp cũ bị xóa bỏ, trong xã hội xuất hiện nhiều lực lượng mới.
- D. Xã hội văn minh, bắt kịp với trình độ phát triển của phương Tây.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng tình hình văn hóa của các nước Đông Nam Á dưới tác động từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây?

- A. Đời sống văn hóa không xuất hiện yếu tố mới.
- B. Văn hóa phương Tây du nhập vào Đông Nam Á.
- C. Văn hóa Đông Nam Á chi phối văn hóa phương Tây.
- D. Văn hóa phát triển, bắt kịp với trình độ của phương Tây.

Câu 19. Trong quá trình cai trị Đông Nam Á, thực dân phương Tây chú trọng phát triển hệ thống giao thông vận tải, nhằm

- A. truyền bá văn hóa, khai hóa văn minh cho cư dân trong khu vực.
- B. hỗ trợ các nước trong khu vực khôi phục và phát triển nền kinh tế.
- C. nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân Đông Nam Á.
- D. phục vụ các chương trình khai thác thuộc địa và mục đích quân sự.

Câu 20. Đến đầu thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây

- A. từng bước chuẩn bị cho quá trình xâm lược Đông Nam Á.
- B. bắt đầu mở rộng quá trình xâm nhập vào Đông Nam Á.
- C. đã hoàn thành quá trình thôn tính Đông Nam Á.
- D. buộc phải trao trả độc lập cho các nước Đông Nam Á.

Bài 6:

Câu 1. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Việt Nam nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. thực dân Anh.
- B. thực dân Pháp.
- C. thực dân Tây Ban Nha.
- D. thực dân Hà Lan.

Câu 2. Điểm chung trong phong trào giải phóng dân tộc ở ba nước Đông Dương vào cuối thế kỉ XIX là gì?

- A. Phong trào chống thực dân mang ý thức hệ phong kiến.
- B. Phong trào đấu tranh diễn ra theo khuynh hướng tư sản.
- C. Thắng lợi hoàn toàn, lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp.
- D. Diễn ra quyết liệt, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động tiêu cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến nền kinh tế của các nước Đông Nam Á?

- A. Phần lớn các nước Đông Nam Á vẫn là những nước nông nghiệp lạc hậu.
- B. Kinh tế lạc hậu, thiếu cân đối giữa các ngành kinh tế, giữa các địa phương.
- C. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế quan hệ sản xuất phong kiến.
- D. Đông Nam Á trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của thực dân phương Tây.

Câu 4. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á?

- A. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- B. Thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hóa.
- C. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.
- D. Giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 5. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Mi-an-ma nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. thực dân Anh.
- B. thực dân Pháp.
- C. thực dân Tây Ban Nha.
- D. thực dân Hà Lan.

Câu 6. Nguyên nhân quyết định khiến thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh trong quá trình xâm lược Việt Nam (1858 - 1884) là

- A. quân Pháp từ xa đến, không quen khí hậu, địa hình Việt Nam.
- B. quan quân triều đình nhà Nguyễn có chiến thuật đánh Pháp độc đáo.
- C. triều đình nhà Nguyễn kiên định lãnh đạo nhân dân kháng chiến.
- D. Pháp vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân Việt Nam.

Câu 7. Điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 là gì?

- A. Phong trào theo khuynh hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.
- B. Phong trào theo ý thức hệ phong kiến thay thế phong trào theo khuynh hướng tư sản.
- C. Tồn tại song song hai khuynh hướng tư sản và vô sản trong phong trào yêu nước.
- D. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.

Câu 8. Trong những năm 1945 - 1975, nhân dân các nước Đông Dương tiếp tục đấu tranh chống lại những thế lực ngoại xâm nào?

- A. Thực dân Pháp và thực dân Anh.
- B. Thực dân Anh và thực dân Hà Lan.
- C. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.
- D. Thực dân Anh và thực dân Tây Ban Nha.

Câu 9. Một trong những nội dung của lịch sử Đông Nam Á những năm 1945 - 1984 là

- A. các nước lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
- B. tất cả các nước tham gia vào Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. các nước lần lượt trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
- D. thực dân phương Tây quay lại tái chiếm Đông Nam Á.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động từ chính sách “chia để trị” của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á?

- A. Tranh chấp biên giới.
- B. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.
- C. Tranh chấp lãnh thổ.
- D. Gắn kết khu vực và thế giới.

Câu 11. Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa ngoại lai của chính quyền thực dân tác động như thế nào đến nền văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh.
- B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước.
- C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống.
- D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

Câu 12. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, mâu thuẫn bao trùm trong xã hội Đông Nam Á là mâu thuẫn giữa

- A. nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược.
- B. giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.
- C. giai cấp tư sản với chính quyền thực dân.
- D. giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Câu 13. Chính sách cai trị của thực dân phương Tây cũng đưa đến một số tác động tích cực đối với khu vực Đông Nam Á, **ngoại trừ** việc

- A. du nhập nền sản xuất công nghiệp.
- B. gắn kết khu vực với thị trường thế giới.
- C. thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hóa.
- D. các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á?

- A. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- B. Gắn kết Đông Nam Á với thị trường thế giới.
- C. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.
- D. Giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 15. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
- D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 16. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
- D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 17. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng hạn chế của chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu được tiến hành ở năm nước sáng lập ASEAN trong những năm 50 - 60 của thế kỉ XX?

- A. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
- B. Chi phí sản xuất cao dẫn đến tình trạng thua lỗ.
- C. Phụ thuộc nhiều vào vốn và thị trường bên ngoài.
- D. Thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ sản xuất.

Câu 18. Đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Việt Nam, Lào, cam-pu-chia bắt đầu

- A. lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. tiến hành công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.
- C. đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- D. cải cách đất nước một cách toàn diện, trong đó đổi mới chính trị là trọng tâm.

Câu 19. Quốc gia nào ở Đông Nam Á được coi là một trong 4 “con rồng” của kinh tế châu Á?

- A. Việt Nam.
- B. Thái Lan.
- C. Xin-ga-po.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Bài 7:

Câu 1. Trong nhiều thế kỉ, lãnh thổ Việt Nam thường xuyên là đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài do Việt Nam có

- A. vị trí địa lí chiến lược.
- B. trình độ dân trí thấp.
- C. nền văn hóa lạc hậu.
- D. nền kinh tế lạc hậu.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?

- A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
- B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.
- C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
- D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Góp phần hình thành những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.
- B. Để lại nhiều kinh nghiệm cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.
- C. Góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.
- D. Quyết định con đường phát triển đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Câu 4. Ngô Quyền đã lựa chọn địa điểm nào làm trận địa chống quân Nam Hán xâm lược (năm 938)?

- A. Cửa sông Tô Lịch.
- B. Cửa sông Bạch Đằng.
- C. Hoan Châu (Nghệ An).
- D. Đường Lâm (Hà Nội).

Câu 5. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống (năm 981) là do

- A. có sự lãnh đạo của các tướng lĩnh tài ba như: Lê Sát, Lê Ngân, Nguyễn Trãi.
- B. quân dân Tiền Lê vận dụng thành công kế sách “Tiên phát chế nhân” của nhà Lý.
- C. quân dân Tiền Lê có tinh thần yêu nước, kiên quyết đấu tranh chống ngoại xâm.
- D. quân Tống liên tiếp thất bại nên chủ động giảng hòa với nhà Tiền Lê.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê?

- A. Buộc nhà Tống thần phục và thực hiện triều cống đối với Đại Cồ Việt.
- B. Thể hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt.

C. Quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi, củng cố vững chắc nền độc lập.

D. Thể hiện khả năng bảo vệ độc lập của quân dân Đại Cồ Việt.

Câu 7. Đầu năm 1076, hàng chục vạn quân Tống chia làm hai đạo tiến vào Đại Việt. Trên đường tiến quân về Thăng Long, quân Tống đã bị chặn lại ở

A. thành Đa Bang. B. cửa sông Bạch Đằng.

C. thành Tây Đô. D. bờ bắc sông Như Nguyệt.

Câu 8. Năm 1075, Lý Thường Kiệt lãnh đạo quân dân nhà Lý tiến đánh sang đất Tống nhằm mục đích gì?

A. Xâm chiếm đất đai để mở rộng lãnh thổ Đại Việt.

B. Đòi lại phần đất mà trước kia nhà Tống chiếm giữ.

C. Buộc nhà Tống phải thần phục và cống nạp cho Đại Việt.

D. Đánh vào nơi tập trung lương thực và vũ khí của nhà Tống.

Câu 9. Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân xâm lược Đại Việt của nhà Tống vào năm 1076?

A. Đòi lại những vùng đất mà trước kia đã bị Đại Việt chiếm giữ.

B. Thỏa mãn tham vọng bành trướng lãnh thổ xuống phía Nam.

C. Tăng vị thế của nhà Tống, khiến hai nước Liê, Hạ phải kiêng nể.

D. Đánh Đại Việt để góp phần dẹp yên mâu thuẫn trong nội bộ nước Tống.

Câu 10. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của quân dân nhà Lý giành thắng lợi là do

A. nhà Tống bị hao tổn binh lực nên chủ động rút quân.

B. nhà Tống nhận thấy việc xâm lược Đại Việt là phi nghĩa.

C. tinh thần yêu nước và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

D. có sự chỉ huy của các tướng lĩnh tài ba như: Lê Hoàn, Tôn Đản.

Câu 11. Nội dung nào **không** phản ánh đúng kế sách đánh giặc của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược?

A. Chủ động tiến công trước để chặn thế mạnh của giặc.

B. Tích cực, chủ động chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Rút lui chiến lược; chớp thời cơ để phản công.

D. Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu.

Câu 12. Năm 1257, khi Mông Cổ cho quân áp sát biên giới Đại Việt và cử sứ giả đến Thăng Long dụ hàng, vua Trần Thái Tông đã có thái độ như thế nào?

A. Yêu cầu sứ giả chuyển lại thư đầu hàng cho vua Mông Cổ.

B. Lo ngại sức mạnh của quân địch nên vội vàng xin giảng hòa.

C. Cho bắt giam sứ giả, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.

D. Đuổi sứ giả về nước, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.

Câu 13. Năm 1279, nhà Nguyên đã chiếm được toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc và ráo riết chuẩn bị lực lượng để xâm lược Đại Việt. Trước tình hình đó, nhà Trần đã

A. triệu tập hội nghị Bình Than và Diên Hồng để bàn kế sách đánh giặc.

B. chủ động xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt để chặn giặc.

C. cho quân tấn công sang đất nhà Nguyên để chặn trước thế mạnh của giặc.

D. xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, như: thành Đa Bang, thành Tây Đô,...

Câu 14. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi trong 3 lần kháng chiến chống Mông - Nguyên (thế kỉ XIII)?

A. Nhà Trần có kế sách đánh giặc đúng đắn, sáng tạo.

B. Tài năng thao lược của các vua Trần cùng nhiều danh tướng.

C. Quân Mông - Nguyên số lượng ít, kĩ thuật chiến đấu kém cỏi.

D. Lòng yêu nước, đoàn kết toàn dân trong chống giặc ngoại xâm.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của 3 lần kháng chiến chống Mông - Nguyên (thế kỉ XIII)?

- A. Buộc nhà Nguyên phải kiêng nê, thần phục đối với Đại Việt.
- B. Đập tan tham vọng xâm lược của quân Mông - Nguyên.
- C. Góp phần ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên với Nhật Bản.
- D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh yêu nước sau này.

Câu 16. Yếu tố tự nhiên nào đã được Trần Quốc Tuấn khai thác triệt để trong trận quyết chiến với quân Nguyên tại cửa biển Bạch Đằng (năm 1288)?

- A. Sự lên xuống của con nước thủy triều.
- B. Mưa nhiều, mực nước sông dâng cao.
- C. Khí hậu khô, nắng nóng gay gắt.
- D. Gió phơn Tây Nam khô nóng.

Câu 17. Trận Rạch Gầm - Xoài Mút của quân Tây Sơn đã

- A. giành thắng lợi, đánh tan cuộc tấn công xâm lược của quân Xiêm.
- B. giành thắng lợi, đánh tan cuộc tấn công xâm lược của quân Thanh.
- C. thất bại nặng nề, Đại Việt rơi vào ách thống trị, đô hộ của nhà Xiêm.
- D. thất bại nặng nề, Đại Việt rơi vào ách thống trị, đô hộ của nhà Thanh.

Câu 18. Trong cuộc chiến đấu với quân Xiêm (1785), cách đánh của quân Tây Sơn có điểm gì độc đáo?

- A. Tấn công trước để chặn thế mạnh của địch.
- B. Thực hiện kế sách “vườn không nhà trống”.
- C. Triệt để thực hiện kế sách “công tâm”.
- D. Nghi binh, lừa địch vào trận địa mai phục.

Câu 19. Nhà Thanh dựa vào duyên cớ vào để tiến quân xâm lược Đại Việt vào năm 1788?

- A. Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh để chống lại quân Tây Sơn.
- B. Quân Tây Sơn quấy nhiễu, xâm phạm lãnh thổ của Mãn Thanh.
- C. Nguyễn Ánh cầu cứu nhà Thanh để chống lại quân Tây Sơn.
- D. Chính quyền Lê - Trịnh lần chiếm lãnh thổ của nhà Thanh.

Câu 20. Nguyên nhân chủ quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Quân giặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược.
- B. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.
- C. Quân giặc không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt.
- D. Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.

Câu 21. Nguyên nhân khách quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Các cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam mang tính chính nghĩa.
- B. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.
- C. Quân giặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược.
- D. Sự lãnh đạo của các tướng lĩnh mưu lược, tài giỏi.

Câu 22. Năm 179 TCN, Triệu Đà đem quân tấn công Âu Lạc. Cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc đã

- A. thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc.
- B. thất bại, Âu Lạc rơi vào ách thống trị của Nam Việt.
- C. thắng lợi, đập tan dã tâm xâm lược của quân Nam Việt.
- D. thất bại, Âu Lạc tuy độc lập nhưng lệ thuộc vào Nam Việt.

Câu 23. Nhà Minh lấy cớ gì để đem quân sang xâm lược Đại Ngu?

- A. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần.
- B. Nhà Hồ cho quân xâm lấn lãnh thổ nhà Minh.
- C. Nhà Hồ không cử sứ giả sang xin sắc phong.
- D. Nhà Hồ không thần phục, cống nạp nhà Minh.

Câu 24. Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam tại mặt trận Đà Nẵng (tháng 9/1858 - tháng 2/1859) đã

- A. buộc Pháp phải chuyển sang thực hiện “chinh phục từng gó nhỏ”.
- B. khiến Pháp thiệt hại nặng nề và từ bỏ tham vọng xâm lược Việt Nam.

C. bước đầu làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

Câu 25. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thất bại của phong trào kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam (1858 - 1884)?

A. Nhà Nguyễn thiếu quyết tâm chiến đấu chống thực dân Pháp.

B. Pháp có ưu thế hơn về vũ khí, kỹ thuật, phương tiện chiến tranh.

C. Nhân dân Việt Nam lo sợ, không kiên quyết đấu tranh chống Pháp.

D. Các phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra lẻ tẻ, thiếu sự liên kết.

Câu 26. Nhận xét nào dưới đây **không đúng** về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884)?

A. Góp phần làm chậm quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

B. Lan rộng từ Bắc vào Nam, dần quy tụ thành các trung tâm kháng chiến lớn.

C. Chuyển từ chống ngoại xâm sang chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.

D. Đấu tranh quyết liệt, song còn lẻ tẻ, chưa tạo thành một phong trào thống nhất.

Câu 27. Nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

A. Những sai lầm trong đường lối kháng chiến.

C. Không có vũ khí hiện đại, thành lũy kiên cố.

B. Không có tướng lĩnh tài giỏi, quân đội mạnh.

D. Nhân dân bị khuất phục trước sức mạnh của giặc.

Câu 28. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884) có đặc điểm gì?

A. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

B. Từ chống ngoại xâm đến kết hợp chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.

C. Hình thành một mặt trận thống nhất do các văn thân, sĩ phu tiến bộ lãnh đạo.

D. Lan rộng từ Bắc vào Nam theo sự mở rộng địa bàn xâm lược của thực dân Pháp.

.....**HẾT**.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

BÙI THỊ THỦY